

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11
Năm học: 2024 - 2025

Lớp cũ NH: 23-24	Lớp mới NH: 24-25	Họ và tên		Bán trú	Ban	Ghi chú
10A1	11A1	Nguyễn Trường	An	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Phạm Tuấn	An	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A1	Huỳnh Lê Trâm	Anh	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Lâm Hồng	Anh	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A1	Lê Phùng Hoàng	Anh	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A1	Nguyễn Lê Tuấn	Anh	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Nguyễn Lương Hoàng	Anh	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Nguyễn Minh Ngọc	Anh	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A1	Nguyễn Yên	Chi	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Bùi Quốc	Cường	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Chu Hải	Đăng	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Mai Văn	Định	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Nguyễn Anh	Đức	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A1	Nguyễn Đại	Đức	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Thái Nguyễn Anh	Duy	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A1	Lê Nhã	Hân	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Nguyễn Hồ Ngọc	Hân	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Văn Ngọc Gia	Hân	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Đàm Minh	Hoàng	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Trần Nhật	Hùng	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A1	Nguyễn Quốc Gia	Hung	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Phạm Khánh	Huy	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Nguyễn Thanh	Huyền	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Trần	Khả	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Tạ Đình	Khang	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Đình Duy	Khoa	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Lê Phước Đăng	Khoa	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Nguyễn Khánh	Linh	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Tạ An	Lộc	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Nguyễn Duy	Long	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A1	Hoàng Đăng	Nghi	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A1	Hoàng Trần Bảo	Ngọc	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A1	Đỗ Kỳ	Nguyên	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A1	Nguyễn Đại	Nhật	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Nguyễn Đình	Phong	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Nguyễn Duy	Phú	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A1	Trần Thiên	Phúc	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Nguyễn Hoàng Nhã	Quân	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Đặng Thanh	Quang	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Nguyễn Võ Trí	Quốc	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Trịnh Quang	Tân	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Hoàng Ngọc Minh	Thư	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A1	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A1	Nguyễn Lê Thanh	Thủy	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A1	Nguyễn Kha	Thy	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Đậu Thùy	Trâm	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Nguyễn Hoàng Tuấn	Tú	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Nguyễn Ngọc	Tuân	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Trần Thanh	Tuân	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Nguyễn Nguyên	Vũ	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Nguyễn Tuấn	Vũ	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A1	Nguyễn Ngọc Khánh	Xuân	X	TN1 (Lý, Hóa)	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11
Năm học: 2024 - 2025

Lớp cũ NH: 23-24	Lớp mới NH: 24-25	Họ và tên		Bán trú	Ban	Ghi chú
10A7	11A10	Nguyễn Huỳnh Phước	An	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Dương Thoại	Anh	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Lê Đăng Việt	Anh	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Lê Nguyễn Tú	Anh	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Trần Ngọc Mỹ	Anh	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Trần Quỳnh	Anh	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Trương Nguyễn Như	Anh	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Lê Gia	Bảo	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Phạm Duy Gia	Bảo	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Phạm Hoàng Gia	Bảo	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Trương Quỳnh Ngọc	Châu	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Dương Thành	Công	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Nguyễn Đắc Hải	Đăng	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Lưu Tiên	Đạt	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Dương Minh	Đức	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Nguyễn Hoàng Minh	Đức	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Nguyễn Hồng Anh	Đức	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Lương Thanh	Hà	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Thân Đức	Hải	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Nguyễn Phạm Khắc	Hiều	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Nguyễn Quốc	Khánh	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Huỳnh Đăng	Khoa	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Phan Tân	Kiên	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Nguyễn Hoàng Yên	Linh	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Vũ Hoàng	Long	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Phạm Nguyễn Hoàng	Minh	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Nguyễn Ngọc Bảo	Nghi	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Lê Nguyễn Trung	Nghị	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Đỗ Hà Khánh	Ngọc	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Nguyễn Đoàn Bảo	Ngọc	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Nguyễn Hữu	Nhân	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Đỗ Nguyễn Minh	Nhật	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Nguyễn Kiều	Oanh	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Phan Thịnh	Phát	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Nguyễn Thương	Phong	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Hoàng Minh	Phú	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Nguyễn Huỳnh Gia	Phúc	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Phạm Lê Minh	Phương	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Lê Anh	Quân	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Lý Tiên	Quảng	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Nguyễn Thị	Quyên	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Nguyễn Đức	Tài	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Bành Thị Thu	Thảo	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Phạm Minh	Thịnh	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Nguyễn Anh	Thư	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Nguyễn Minh Anh	Thư	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Phạm Ngọc Anh	Thư	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Nguyễn Ngọc Anh	Thy	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Lâm Ngọc Bảo	Trân	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Hà Minh	Trí	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Nguyễn Minh	Trường	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A10	Nguyễn Tuấn	Tú	X	TN3 (Anh, Lý)	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11
Năm học: 2024 - 2025

Lớp cũ NH: 23-24	Lớp mới NH: 24-25	Họ và tên		Bán trú	Ban	Ghi chú
10A14	11A11	Triệu Hoàng	Ăn		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A11	Lương Hải	Anh		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Nguyễn Tuấn	Anh		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Nguyễn Thị Ngọc	Bích		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Trần Văn	Đỗ		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A11	Trương Gia	Đức		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Hồ Lê Anh	Duy		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Phạm Nguyễn Khánh	Duy		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Chu Nguyễn Trường	Giang		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Lê Ngọc Bảo	Hân		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Lý Minh	Hậu		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A11	Lưu Phúc	Hưng		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A11	Nguyễn Trường	Huy		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Trần Duy	Khang		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Nguyễn Đức An	Khánh		TN3 (Anh, Lý)	
HSM	11A11	Nguyễn Đăng	Khoa		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Nguyễn Trọng Hà	Khôi		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Hà Tuấn	Kiệt		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Y Thê Anh	Knul		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Trần Khánh	Linh		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Bành Phi	Long		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Nguyễn Ngọc Kim	Long		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A11	Phùng Lê Hiền	Long		TN3 (Anh, Lý)	
10A11	11A11	Chu Thái Bảo	Nam		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Bảo	Ngân		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A11	Võ Nguyễn Kim	Ngọc		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A11	Cao Khả Hoài	Nhân		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Trần Nguyễn Bảo	Nhi		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A11	Cao Gia	Phát		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Nguyễn Ngọc	Phú		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Vũ Trung Quang	Phú		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A11	Nguyễn Hoàng	Phúc		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Trần Hoàng	Phúc		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A11	Trần Nguyễn Nam	Phương		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Hồng Minh	Quang		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Phạm Minh	Quang		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A11	Đinh Ngọc Như	Quỳnh		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Lê Thanh	Tân		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A11	Ngô Đình Gia	Thành		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Phạm Minh	Thùy		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A11	Trương Ngọc Anh	Thy		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Trần Lê Minh	Tiến		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Phan Thị Thùy	Trâm		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A11	Nguyễn Ngọc Phương	Trang		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Trần Minh	Trí		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A11	Phạm Ngọc Thanh	Trúc		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A11	Đỗ Văn	Tú		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Trần Công	Tuân		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A11	Bùi Ngọc Ánh	Tuyết		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Nguyễn Trần Phương	Uyên		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Trương Công	Vinh		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Nguyễn Thị Khánh	Vy		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Đinh Cường	Vỹ		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A11	Lương Triều	Vỹ		TN3 (Anh, Lý)	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11
Năm học: 2024 - 2025

Lớp cũ NH: 23-24	Lớp mới NH: 24-25	Họ và tên		Bán trú	Ban	Ghi chú
10A15	11A12	Phùng Thiên	Ăn		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Lê Nguyễn Quỳnh	Anh		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A12	Nguyễn Bùi Hà	Anh		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A12	Phạm Tuấn	Anh		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Trần Ngọc	Ánh		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Đỗ Gia	Bảo		TN3 (Anh, Lý)	
HSM	11A12	Nguyễn Gia	Bảo		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Trần Quốc	Bảo		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Mai Diên	Bích		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Nguyễn Đỗ An	Bình		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A12	Trần Hữu	Đại		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Nguyễn Lê Thành	Đạt		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Phạm Minh	Đức		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Vũ Đan	Duy		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Vũ Nguyễn Đăng	Duy		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Đỗ Ngọc Kỳ	Duyên		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Nguyễn Trần Gia	Hân		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Nguyễn Trọng	Hiệp		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Tôn Thất	Hoài		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Nguyễn Trần Khải	Hoàn		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Nguyễn Huy	Hoàng		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Nguyễn Minh	Hùng		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Nguyễn Trần Khải	Hung		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Ngô Quốc	Huy		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A12	Đình Gia	Khang		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Vũ Đại	Khang		TN3 (Anh, Lý)	
HSM	11A12	Nguyễn Minh	Khôi		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Nguyễn Ngọc Thiên	Kim		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A12	Hoàng Trịnh	Luân		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Nguyễn Trần Ánh	Ly		TN3 (Anh, Lý)	
HSM	11A12	Nguyễn Thị	Mai		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Đỗ Quang	Minh		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Nguyễn Thị Trà	My		TN3 (Anh, Lý)	
10A18	11A12	Trương Khánh	Ngọc		TN3 (Anh, Lý)	
10A16	11A12	Nguyễn Sỹ	Nguyên		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A12	Huỳnh Minh	Nhật		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Đặng Việt	Pháp		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Phạm Huy	Phú		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Bùi Mai	Phương		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A12	Đỗ Cát Minh	Phương		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Nguyễn Minh	Phương		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Lâm Nguyễn Hữu	Quân		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Trần Vũ Hoàng	Sang		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A12	Dương Hoàng	Son		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Nguyễn Hoàng	Thi		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Nguyễn Hưng	Thiệu		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Trần Vũ Minh	Thư		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Bùi Quê	Trân		TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A12	Đoàn Bảo	Trân		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Trần Lê Khánh	Trân		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Lê Ngọc Tuyết	Trang		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Nguyễn Ngọc Thùy	Trang		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Nguyễn Thảo	Vân		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A12	Lê Thành	Vinh		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Nguyễn Đỗ Tường	Vy		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A12	Ngô Kim	Yên		TN3 (Anh, Lý)	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11
Năm học: 2024 - 2025

Lớp cũ NH: 23-24	Lớp mới NH: 24-25	Họ và tên		Bán trú	Ban	Ghi chú
10A10	11A13	Trần Ngọc Bảo	Ăn	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A13	Lê Mai	Anh	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A13	Phạm Thị Thùy	Anh		XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A13	Vũ Trọng	Đại		XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A13	Nguyễn Trịnh Linh	Đan	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A13	Đặng Ngọc	Diễm	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A13	Nguyễn Đình	Dũng	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A13	Đặng Gia	Hân	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A13	Lưu Gia	Hân	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A13	Lê Hoàng	Huy		XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A13	Hoàng Vũ Anh	Khôi	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A13	Lê Hoàng Anh	Khôi	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A13	Võ Anh	Kiệt		XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A13	Bành Nguyễn Ngọc	Lan	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A13	Nguyễn Phan Mai	Lan	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A13	Bùi Trần Khánh	Linh	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A13	Phạm Hà	Linh	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A13	Trần Lê Thùy	Linh	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A13	Nguyễn Cao Hoàng	Long		XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A13	Đặng Minh Bảo	Ngọc	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A13	Nguyễn Hoàng Thanh	Ngọc	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A13	Trần Bảo	Ngọc	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A13	Nguyễn Khôi	Nguyên		XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A13	Nguyễn Hoàng Ngọc	Nhi		XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A13	Nguyễn Trần Yên	Nhi	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A13	Lê Huỳnh Bảo	Như		XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A13	Nguyễn Hoàng	Phát	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A13	Hồ Ngọc	Phương	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A13	Lại Phạm Trúc	Phương	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A13	Nguyễn Trang Quỳnh	Phương	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A13	Đặng Văn	Quy		XH2 (Anh, Sứ)	
10A16	11A16	Trần Trúc	Quyên		XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A13	Đỗ Huỳnh Nhật	Quỳnh	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A13	Ngô Như	Quỳnh		XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A13	Nguyễn Ngô Như	Quỳnh		XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A13	Trần Ngọc Đan	Thảo	X	XH2 (Anh, Sứ)	
HSM	11A13	Vũ Thanh	Thảo		XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A13	Trần Hồ Bảo	Thư		XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A13	Nguyễn Dương Gia	Thy	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A13	Nguyễn Lê Bảo	Thy	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A13	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trâm	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A13	Võ Bảo	Trâm		XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A13	Nguyễn Minh	Trí	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A13	Nguyễn Thị Thanh	Trúc		XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A13	Trần Hoàng	Tú	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A13	Đặng Phạm Ngọc Phương	Uyên		XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A13	Vũ Cẩm	Vân		XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A13	Huỳnh Kim Khánh	Vy	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A13	Nguyễn Hoàng Phương	Vy		XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A13	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A13	Nguyễn Thị Thảo	Vy	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A13	Phạm Tường	Vy		XH2 (Anh, Sứ)	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11

Năm học: 2024 - 2025

Lớp cũ NH: 23-24	Lớp mới NH: 24-25	Họ và tên		Bán trú	Ban	Ghi chú
10A10	11A14	Nguyễn Diệp Mai	An	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A14	Trần Hà Khánh	An	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A14	Bùi Thụy Quỳnh	Anh	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A14	Hoàng Quê	Anh	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A14	Nguyễn Hoàng Minh	Anh	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A14	Nguyễn Minh	Anh	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A14	Nguyễn Mỹ	Anh	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A14	Nguyễn Nhật	Anh	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A14	Phạm Ngọc Tú	Anh	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A14	Vũ Thị Ngọc	Anh	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A14	Nguyễn Thị Minh	Anh	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A14	Vương Đình	Đình	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A14	Vũ Duy Thiện	Đức	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A14	Lê Thùy	Dung	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A14	Lương Phương	Dung	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A14	Nguyễn	Dương	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A14	Tô Khánh	Hà	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A14	Ngô Trương Mỹ	Hăng	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A14	Nguyễn Minh	Hạnh	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A14	Nguyễn Cao Khánh	Hùng	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A14	Hoàng Ngọc	Khánh	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A14	Phạm Đăng	Khoa	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A14	Lê Nguyễn Ngọc	Lam	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A14	Trương Bảo	Long	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A14	Nguyễn Phương Cúc	My	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A14	Hoàng Thủy	Nga	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A14	Nguyễn Đông	Nghi	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A14	Trần Thị Khánh	Ngọc	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A14	Nguyễn Đức Khai	Nguyên	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A14	Nguyễn Phúc	Nhân	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A14	Vũ Hoàng Yên	Nhi	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A14	Huỳnh Ngọc Khánh	Như	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A14	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A14	Thái Thảo	Như	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A14	Lê An	Phương	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A14	Nguyễn Như	Quỳnh	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A14	Man Tiên	Thành	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A14	Đặng Nguyễn Gia	Thịnh	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A14	Nguyễn Bảo	Thịnh	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A14	Nguyễn Anh	Thư	X	XH2 (Anh, Sứ)	
HSM	11A14	Triệu Minh	Thư	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A14	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A14	Nguyễn Trần Thanh	Trúc	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A14	Văn Thị Cẩm	Tú	X	XH2 (Anh, Sứ)	
HSM	11A14	Phạm Minh	Tuân	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A14	Lê Ngọc Cát	Tường	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A14	Lê Đình Phương	Uyên	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A14	Đoàn Nguyễn Phương	Vy	X	XH2 (Anh, Sứ)	
HSM	11A14	Nguyễn Hoàng Khánh	Vy	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A14	Lê Ngọc Như	Y	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A14	Nguyễn Ngọc Như	Y	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A14	Đào Hoàng	Yên	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A14	Đỗ Phạm Hoàng	Yên	X	XH2 (Anh, Sứ)	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11
Năm học: 2024 - 2025

Lớp cũ NH: 23-24	Lớp mới NH: 24-25	Họ và tên		Bán trú	Ban	Ghi chú
10A10	11A15	Lê Quốc	Anh	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A15	Nguyễn Ngọc Lan	Anh		XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A15	Nguyễn Vĩ	Cầm		XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A15	Nguyễn Minh	Đăng		XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A15	Phạm Ngọc	Diệp		XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A15	Đặng Thùy	Dương	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A15	Ngô Bảo	Giang	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A15	Trịnh Bảo	Hà	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A15	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân		XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A15	Trần Thị Ngọc	Hân		XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A15	Hồ Nguyễn Văn	Hăng		XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A15	Lê Trung	Hiều	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A15	Phan Đức	Hòa	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A15	Đặng Hữu	Huy	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A15	Hồ Đức	Huy	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A15	Trần Đức	Huy		XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A15	Mai Thị Mỹ	Huyền		XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A15	Phạm Thị Phương	Huỳnh		XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A15	Trần Minh	Khôi	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A15	Tô Thái	Lâm		XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A15	Nguyễn Thành	Liêm		XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A15	Nguyễn Thị Kiều	Loan		XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A15	Hoàng Đình Gia	Minh	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A15	Trương Trà	My		XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A15	Nguyễn Hoài	Nam	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A15	Lâm Khôi	Nguyên		XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A15	Nguyễn Nhật	Nhi	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A15	Trần Quỳnh	Như	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A15	Nguyễn	Phan	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A15	Bùi Mai	Phương		XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A15	Đoàn Cảnh	Quân		XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A15	Nguyễn Điền Quốc	Quân	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A15	Nguyễn Ngọc Thanh	Thảo		XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A15	Vũ Phương	Thúy	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A15	Nguyễn Lý Bảo	Thy	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A15	Trần Ngọc Mai	Tiên	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A15	Hồ Phước	Tiên		XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A15	Lê Ngọc Bảo	Trân	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A15	Phạm Minh	Trí	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A15	Phan Minh	Trí	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A15	Trương Minh	Trí	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A15	Hoàng Anh Thy	Trúc		XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A15	Phạm Minh	Tuyên		XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A15	Tôn Nữ Minh	Tuyệt	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A15	Hồ Nhã	Uyên		XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A15	Nguyễn Phương	Uyên	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A15	Huỳnh Tường	Văn		XH2 (Anh, Sứ)	
10A9	11A15	Nguyễn Hoàng Lê	Vi	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A15	Lê Thị Hà	Vy	X	XH2 (Anh, Sứ)	
10A18	11A15	Lê Tường	Vy		XH2 (Anh, Sứ)	
10A10	11A15	Nguyễn Lê Tường	Vy	X	XH2 (Anh, Sứ)	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11
Năm học: 2024 - 2025

Lớp cũ NH: 23-24	Lớp mới NH: 24-25	Họ và tên		Bán trú	Ban	Ghi chú
10A8	11A16	Nguyễn Y	An	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A16	Đình Thạch Bảo	Anh		XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A16	Lê Bảo	Anh	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A16	Phạm Nguyễn Thê	Anh		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A16	Trần Ngọc	Châu		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A16	Vũ Minh	Châu		XH3 (Anh, Địa)	
HSM	11A16	Phạm Đỗ Đức	Dũng	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A16	Nguyễn Anh	Dương		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A16	Lê Thị Thu	Hà		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A16	Nguyễn Bình Phương	Hân		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A16	Nguyễn Ngọc	Hân		XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A16	Phạm Lê Thu	Hiên	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A16	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A16	Hồ Nhật	Huy		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A16	Nguyễn Thị Khánh	Huyền		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A16	Lê Minh	Khang		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A16	Trần Ngọc Gia	Khanh		XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A16	Diệp Hoàng Kim	Khánh	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A16	Đào Vũ Đăng	Khoa		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A16	Lê Nguyễn Đăng	Khoa		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A16	Phạm Ngọc	Linh		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A16	Phạm Thị Mai	Linh		XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A16	Trần Ngọc Thùy	Linh	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A16	Trần Nguyễn Ngọc Yên	Linh	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A16	Lê Hải	Long		XH3 (Anh, Địa)	
HSM	11A16	Đồng Nguyễn Trà	Mi		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A16	Nguyễn Thanh	Ngân		XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A16	Nguyễn Phương Khánh	Ngọc	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A16	Trần Nguyễn Bảo	Ngọc		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A16	Châu Dương Đình	Nhi		XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A16	Trần Thị Yên	Như	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A16	Cao Gia	Phát		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A16	Hoàng Thị Nam	Phương		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A16	Nguyễn Anh	Quốc		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A16	Nguyễn Hoàng Kim	Sa		XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A16	Nguyễn Ngọc Đan	Thanh	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A16	Trần Thị Phương	Thảo	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A16	Trần Thị Bảo	Thi		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A16	Đoàn Minh	Thư		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A16	Triệu Đình Minh	Thư		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A16	Trần Thị Đoan	Trang		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A16	Nguyễn	Tuân		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A16	Nguyễn Dương Thái Thanh	Tuyên		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A16	Trần Thanh	Vân		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A16	Trần Hà	Vy		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A16	Vũ Nhật	Vy		XH3 (Anh, Địa)	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11
Năm học: 2024 - 2025

Lớp cũ NH: 23-24	Lớp mới NH: 24-25	Họ và tên		Bán trú	Ban	Ghi chú
10A8	11A17	Cao Hoài	An	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A17	Nguyễn Hoàng Hoài	An	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Lê Hoài	Anh	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Mai Vân	Anh	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Nguyễn Cẩm	Anh	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Phan Lê Quỳnh	Anh	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Nguyễn Gia	Bảo	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Vũ Trúc	Chi	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	La Hồng	Đức	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Vũ Lê Thảo	Dung	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Lê Thanh	Hải	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Nguyễn Dư Sỹ	Hoàng	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Bùi Đức	Huy	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Dương Ngọc	Linh	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Trịnh Gia	Linh	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Cao Đức	Minh	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Nguyễn Ai	My	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Tô Hải	My	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Đình	Nam	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Nguyễn Ngọc Bảo	Nghi	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Tạ Thanh	Nghi	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Lê Hà Phương	Nguyên	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Phạm	Nguyên	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Vũ Hồng Thảo	Nguyên	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Nguyễn Phạm Quỳnh	Như	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Nguyễn Ngọc Khang	Ny	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Huỳnh Tân	Phát	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Trịnh Cao	Phát	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Nguyễn Đặng Thiên	Phú	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Nguyễn Đặng Xuân	Phú	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Đặng Nguyễn Thị Thu	Phương	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Đỗ Lê Nguyên	Tâm	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Trịnh Hà	Thanh	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Trương Thị Thanh	Thảo	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Lê Hoài	Thương	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Lư Quỳnh	Trâm	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Bùi Quỳnh	Trang	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Đào Xuân	Trường	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Nguyễn Thanh	Tú	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Võ Nguyễn Phương	Vy	X	XH3 (Anh, Địa)	
10A8	11A17	Vương Nguyễn Nhật	Vy	X	XH3 (Anh, Địa)	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11
Năm học: 2024 - 2025

Lớp cũ NH: 23-24	Lớp mới NH: 24-25	Họ và tên		Bán trú	Ban	Ghi chú
HSM	11A18	Đỗ Đức	Anh		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A18	Lê Ngọc Vân	Anh		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A18	Nguyễn Lê Lan	Anh		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A18	Nguyễn Vũ Lan	Anh		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A18	Lê Phan Khánh	Băng		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A18	Huỳnh Đình Gia	Bảo		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A18	Thạch Gia	Bảo		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A18	Vũ Minh	Đăng		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A18	Nguyễn Thị Hồng	Đào		XH3 (Anh, Địa)	
HSM	11A18	Lê Quỳnh	Du		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A18	Nguyễn Anh	Đức		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A18	Trương Ngọc	Hân		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A18	Vũ Thị Ngọc	Hân		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A18	Vũ Thu	Hăng		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A18	Nguyễn Ngọc Bách	Hào		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A18	Dương Trung	Hậu		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A18	Mai Lê Thái	Huy		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A18	Nguyễn Đào Khánh	Huy		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A18	Đào Duy	Khang		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A18	Phạm Tuấn	Khang		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A18	Nguyễn Ngọc	Khánh		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A18	Nguyễn Văn	Khánh		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A18	Nguyễn Tuấn	Kiệt		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A18	Tông Khánh	Linh		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A18	Võ Huỳnh Thanh	Mai		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A18	Nông Thị Mỹ	Ngọc		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A18	Lê Ngọc Huyền	Nhi		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A18	Lê Trần Uyên	Nhi		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A18	Nguyễn Hoàng Tấn	Phát		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A18	Trần Hữu	Phước		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A18	Phạm Nguyễn Minh	Quân		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A18	Lương Văn	Quốc		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A18	Nguyễn Thị Yên	Quyên		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A18	Nguyễn Thị Diệu	Tân		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A18	Vương Trung	Thành		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A18	Hoàng Thiên	Thư		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A18	Phạm Thị Diệu	Thúy		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A18	Trương Phan Phương	Thùy		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A18	Hà Ngọc Bảo	Thy		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A18	Nguyễn Ngọc Minh	Thy		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A18	Trần Thảo	Tiên		XH3 (Anh, Địa)	
10A16	11A18	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A18	Đặng Thị Phương	Trang		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A18	Phan Tường	Vi		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A18	Nguyễn Ngọc Kiều	Vy		XH3 (Anh, Địa)	
10A17	11A18	Phan Nguyễn Minh	Vy		XH3 (Anh, Địa)	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11
Năm học: 2024 - 2025

Lớp cũ NH: 23-24	Lớp mới NH: 24-25	Họ và tên		Bán trú	Ban	Ghi chú
10A1	11A2	Trần Mai Ngọc	An	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Mai Võ Quốc	Anh	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Nguyễn Thị Vân	Anh	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Phạm Nguyễn Đức	Anh	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Tổng Quang Việt	Anh	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A2	Trần Hoàng Việt	Anh	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Nguyễn Nhật Gia	Bảo	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Phạm Gia	Bảo	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Nguyễn Thanh	Bình	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Nguyễn Thành	Công	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A2	Nguyễn Hải	Đăng	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A2	Bùi Quang	Đức	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Nguyễn Lê Anh	Đức	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Nguyễn Minh	Đức	X	TN1 (Lý, Hóa)	
HSM	11A2	Nguyễn Tuấn	Dũng	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Nguyễn Tuấn	Dương	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Trần Khánh	Hân	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Mai Huy	Hoàng	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Trần Phúc Khánh	Huy	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Biện Hà Bảo	Khánh	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Nguyễn Biện Tân	Khánh	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Trần Minh	Lân	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Lê Minh	Long	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Nguyễn Duy	Long	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Bùi Quốc	Minh	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Nguyễn Lê Nhật	Minh	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A2	Bao Văn	Nghĩa	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A2	Lê Văn Khôi	Nguyên	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A2	Trần Gia	Nguyên	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Nguyễn Thiện	Nhân	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Đỗ Ngọc Yên	Nhi	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Bùi Cẩm	Như	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Đỗ Gia	Phong	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Nguyễn Võ Thiên	Phong	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A2	Nguyễn Hoàng	Phúc	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A2	Đặng Ngọc	Quân	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Phan Võ Minh	Quân	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Trần Đức Quang	Quân	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Trần Minh	Quân	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Lương Ngọc Vũ	Quyên	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Đinh Phúc	Thành	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Dương Thanh	Thảo	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Nguyễn Trần Minh	Thiên	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Lê Minh	Thiện	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Lê Nguyễn Anh	Thy	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Trần Lê Phương	Trang	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Hoàng Đức	Trí	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Nguyễn Minh	Trí	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Lại Minh	Tuân	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Hoàng Lê	Vy	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A2	Hoàng Ngọc Thảo	Vy	X	TN1 (Lý, Hóa)	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11
Năm học: 2024 - 2025

Lớp cũ NH: 23-24	Lớp mới NH: 24-25	Họ và tên		Bán trú	Ban	Ghi chú
10A3	11A3	Đinh Mạnh Đại	An	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Võ Cao Khánh	An	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Nguyễn Trần Minh	Anh	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Trần Gia	Bảo	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Huỳnh Nhật	Bình	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Lương Minh	Châu	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Lê Thị Linh	Chi	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Nguyễn Bảo	Duy	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Trần Ngọc	Hân	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Phạm Minh	Hiên	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Nguyễn Đình	Hiều	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Trương Việt	Hoàng	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Nguyễn Bách Việt	Hùng	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Phạm Nguyễn Gia	Huy	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A3	Phan Tân	Huy	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Nguyễn Minh	Khang	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A3	Phạm Gia	Khánh	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Đinh Tô Đăng	Khoa	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Đỗ Đăng	Khôi	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Nguyễn Đăng	Khôi	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Võ Anh	Khôi	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Lê Khánh	Linh	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Hoàng Nhật	Long	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Phạm Lê	Minh	X	TN1 (Lý, Hóa)	
HSM	11A3	Lê Hà	My	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Trần Thị Trà	My	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Trần Vũ Ngọc	Nga	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A3	Nguyễn Hưng	Phát	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Phạm Đức	Phát	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A3	Phạm Tân	Phát	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Nguyễn Đỗ Minh	Quân	X	TN1 (Lý, Hóa)	
HSM	11A3	Nguyễn Hoàng	Quân	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Nguyễn Lê Anh	Quân	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Trần Nguyễn Như	Quỳnh	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A1	11A3	Phạm Trường Vũ	Thanh	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Trần Nguyễn Thiên	Thanh	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Mai Nhật	Thành	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A2	11A3	Nguyễn Phương	Thảo	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Phạm Phương	Thảo	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Nguyễn Bảo	Thịnh	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Nguyễn Ngọc Bảo	Thương	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Nguyễn Vương Minh	Thy	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Nguyễn Xuân Thái	Toàn	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Phạm Ngọc	Trâm	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Phạm Hữu	Trọng	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Nguyễn Thanh	Trúc	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Bùi Thê	Trung	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Lương Nguyên	Vũ	X	TN1 (Lý, Hóa)	
10A3	11A3	Thân Âu Nhật	Vy	X	TN1 (Lý, Hóa)	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11
Năm học: 2024 - 2025

Lớp cũ NH: 23-24	Lớp mới NH: 24-25	Họ và tên		Bán trú	Ban	Ghi chú
10A11	11A4	Đặng Hoài	An		TN1 (Lý, Hóa)	
HSM	11A4	Đinh Ngọc Bảo	An		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Nguyễn Thy	Ấn		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Huỳnh Ngọc Hoàng	Anh		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Nguyễn Ngọc Mỹ	Anh		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Nguyễn Phương	Anh		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Trần Thị Ngọc	Anh		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Lý Quốc	Bảo		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Hoàng Văn Kim	Bừu		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Đặng Thị Thùy	Dương		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Nguyễn Thị Thùy	Dương		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Nguyễn Ngọc Bảo	Duy		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Phan Ngọc Minh	Hăng		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Võ Huỳnh Minh	Hiên		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Trần Nguyễn Ngọc	Hiên		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Lưu Ngọc Phúc	Hoàng		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Đặng Phương	Hồng		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Trần Nguyễn Quang	Huy		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Phan Công	Khải		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Nguyễn Phúc An	Khang		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Trần Nguyễn Bảo	Khanh		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Hoàng Đạt Anh	Kiệt		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Đặng Thanh	Lâm		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Nguyễn Phan Mạnh	Long		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Nguyễn Việt Minh	Long		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Nguyễn Phước Hà	My		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Đặng Hoàng Bảo	Nam		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Nguyễn Hoài	Nam		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Nguyễn Nhật	Nam		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Đặng Đình Bảo	Nghi		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Nguyễn Hoàng	Nghĩa		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Nguyễn Quốc Khôi	Nguyên		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Nguyễn Minh	Nguyệt		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Nguyễn Thanh	Nhàn		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Nguyễn Ngọc	Nhi		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Lê Ngọc	Như		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Trần Mai Hoàng	Nhung		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Lê Thành	Phát		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Nguyễn Hoàng	Phát		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Vũ Quang	Phú		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Nguyễn Bảo	Phúc		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Nguyễn Anh	Quân		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Huỳnh Quốc	Thăng		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Trịnh Đình	Thanh		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Đinh Quang Tuấn	Thiên		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Phạm Hưng	Thịnh		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Nguyễn Thê	Thông		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Nguyễn Gia	Tuân		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Đỗ Nguyễn Hoàng Sung	Túc		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Lê Nguyễn Thùy	Uyên		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Lâm Hoàng Phương	Vy		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Trần Yên	Vy		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Trương Cẩm	Vy		TN1 (Lý, Hóa)	
10A11	11A4	Võ Hồng Thanh	Vy		TN1 (Lý, Hóa)	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11
Năm học: 2024 - 2025

Lớp cũ NH: 23-24	Lớp mới NH: 24-25	Họ và tên		Bán trú	Ban	Ghi chú
10A4	11A5	Phạm Huỳnh Thịnh	An	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Đỗ Phạm Trâm	Anh	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Lê Dương Xuân	Anh	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Nguyễn Việt	Anh	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Mai Thành	Đạt	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Đoàn Việt	Dũng	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Phạm Hoàng	Giang	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
HSM	11A5	Nguyễn Hồng	Hân	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Nguyễn Trần Gia	Hân	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Phạm Ngọc Bảo	Hân	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Trịnh Gia	Hân	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Nguyễn Hữu	Hoàn	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Mai Gia	Hy	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Phan Văn	Khải	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Võ Anh	Khoa	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Trần Chí Minh	Khôi	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Lê Phạm Y	Lâm	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Phạm Hoàng Tú	Linh	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Đoàn Gia	Long	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
HSM	11A5	Nguyễn Hoàng	Long	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Trần Nguyễn Ngọc	Long	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Đoàn Duy	Lực	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Dương Trúc	My	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Nguyễn Ngọc	Nam	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Phạm Nguyễn An	Nam	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Phạm Tiết	Nghĩa	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Nguyễn Ngô Bảo	Ngọc	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Nguyễn Phạm Bảo	Ngọc	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Trần Khánh	Ngọc	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Trần Ngọc Phương	Nhi	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Cao Hồng	Phúc	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Phạm Huỳnh Hồng	Phúc	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Hồ Phúc Tân	Tài	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Mai Quê	Thanh	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Nguyễn Nam	Thành	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Triệu Sinh	Thành	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Võ Thanh	Thảo	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Vũ Nguyễn Phương	Thảo	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A1	11A5	Lã Mai	Thê	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Nguyễn Hoàng Song	Thư	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Bùi Nguyễn Ninh	Thuận	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Huỳnh Ngọc Minh	Thy	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Lê Hữu	Tín	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
HSM	11A5	Huỳnh Khánh	Trân	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Nguyễn Thùy	Trang	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Lê Minh	Trí	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Lê Quang	Trí	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Phan Đức	Trọng	X	TN2 (Hóa, Sinh)	
10A4	11A5	Lê Hoàng Cát	Vĩnh	X	TN2 (Hóa, Sinh)	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11
Năm học: 2024 - 2025

Lớp cũ NH: 23-24	Lớp mới NH: 24-25	Họ và tên		Bán trú	Ban	Ghi chú
10A12	11A6	Nguyễn Hoàng Thiên	An		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Nguyễn Phúc Hồng	Ẩn		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Nguyễn Quỳnh	Anh		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Trần Quốc	Anh		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Trần Ngọc Minh	Châu		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Nguyễn Thị Ngọc	Đào		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Nguyễn Hồ Minh	Đạt		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Nguyễn Kim Nhật	Duy		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Vũ Thị	Hà		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Nguyễn Phạm Gia	Hân		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Nguyễn Lê	Hưng		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Nguyễn Quốc	Khánh		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Trần Đăng	Khoa		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Phạm Tùng	Lâm		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Dương Khánh	Linh		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Hoàng Nguyễn Thục	Linh		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Nguyễn Hoàng	Linh		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Nguyễn Hoàng Tú	Linh		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Phùng Đào Phương	Linh		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Trịnh Thùy	Linh		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Nguyễn Hải	Luân		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Nguyễn Hồng Kỳ	Ly		TN2 (Hóa, Sinh)	
HSM	11A6	Lý Thục	Mẫn		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Trần Hằng	My		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Nguyễn Từ Hoài	Nam		TN2 (Hóa, Sinh)	
HSM	11A6	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Hoàng Yên	Nhi		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Lý Dương Quỳnh	Như		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Nguyễn Đức	Phúc		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Trần Bảo	Phương		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Dương Anh	Quân		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Nguyễn Ngọc Duy	Quân		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Lê Tuấn	Quang		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Nguyễn Huy Nhật	Quang		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Trần Vũ Minh	Quang		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Lê Xuân	Quỳnh		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A5	11A6	Nguyễn Xuân	Son		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Nguyễn Ngọc	Sương		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Nguyễn Hoàng Thảo	Trâm		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Ngô Nguyễn Phương	Trang		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Thân Trần Thiên	Trang		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Nguyễn Lê Hải	Triều		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Phạm Thanh	Trúc		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Nguyễn Hoàng Đức	Trung		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Dương Thanh	Tùng		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Trần Phương	Uyên		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Nguyễn Ngọc Phương	Vy		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Nguyễn Thúy	Vy		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Nguyễn Lê Như	Y		TN2 (Hóa, Sinh)	
10A12	11A6	Nguyễn Ngọc Như	Y		TN2 (Hóa, Sinh)	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11
Năm học: 2024 - 2025

Lớp cũ NH: 23-24	Lớp mới NH: 24-25	Họ và tên		Bán trú	Ban	Ghi chú
10A13	11A7	Ngô Duy	An		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A7	Thượng Thị Quỳnh	An	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A7	Trần Ngọc Thiên	An	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A7	Trương Nhật Minh	An	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A7	Vũ Xuân	An		TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A7	Nguyễn Trung	Anh	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A7	Hồ Gia	Bảo		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A7	Nguyễn Huy	Bình		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A7	Hoàng Kim Trân	Châu		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A7	Nguyễn Quốc	Đạt		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A7	Huỳnh Khánh	Dur		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A7	Phạm Minh	Đức		TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A7	Nguyễn Tôn Kim	Dung	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A7	Bùi Thê	Duy		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A7	Nguyễn Thị Bích	Hà		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A7	Phạm Thanh	Hải		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A7	Trần Ngọc Bảo	Hân		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A7	Lý Nguyên	Hào		TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A7	Lê Vũ Thu	Hiên	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A7	Lê	Hiều		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A7	Nguyễn Thị Mỹ	Huong		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A7	Thái Bích	Huyền		TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A7	Phan Thê	Khải	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A7	Đỗ Trung	Kiên		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A7	Bùi Thiên	Kim	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A7	Nguyễn Hoàng	Kim		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A7	Trần Ngọc Thiên	Kim		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A7	Dương Khánh	Linh		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A7	Phạm Nguyễn Khánh	Linh		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A7	Nguyễn Phi	Long		TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A7	Lê Phạm Hà	My	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A7	Nguyễn Thị Phương	Ngân	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A7	Trần Kim	Ngân		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A7	Nguyễn Bích	Ngọc		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A7	Trần Minh Bảo	Ngọc		TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A7	Lê Ngọc Khánh	Nguyên	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A7	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A7	Lục Huỳnh Yên	Nhi	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A7	Vũ Ngọc Quỳnh	Như		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A7	Xuân Thê	Phú		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A7	Lại Vũ Mai	Phương		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A7	Phan Đỗ Lan	Phương		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A7	Trương Đăng Quỳnh	Phương		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A7	Trương Quang	Quý		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A7	Đỗ Nguyễn Thành	Tâm		TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A7	Hoàng Minh	Thư		TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A7	Lê Anh	Thư	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A7	Trần Ngọc Minh	Thùy		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A7	Lê Thùy	Trang		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A7	Nguyễn Thùy	Trang		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A7	Phạm Thị Diễm	Trinh		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A7	Lê Thanh	Tú		TN3 (Anh, Lý)	
10A14	11A7	Trần Nguyễn Tú	Uyên		TN3 (Anh, Lý)	
10A13	11A7	Lê Quốc	Việt		TN3 (Anh, Lý)	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11
Năm học: 2024 - 2025

Lớp cũ NH: 23-24	Lớp mới NH: 24-25	Họ và tên		Bán trú	Ban	Ghi chú
10A13	11A8	Bùi Quỳnh	Anh	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Huỳnh Nguyễn Gia	Bảo	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Thái Gia	Bảo	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Nguyễn Văn	Chiến	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Đặng Huỳnh Công	Danh	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Nguyễn Trần Thành	Đạt	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Trần Công	Hậu	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Hoàng Trọng	Hiều	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Nguyễn Huy	Hiệu	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Nguyễn Minh	Hùng	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Nguyễn Thê	Hùng	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Đỗ Gia	Huy	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A8	Nguyễn Lê Công	Huy	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A7	11A8	Nguyễn Trọng	Huy	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Võ Ngọc Minh	Huy	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Phạm Nguyễn Duy	Khang	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Trần Gia An	Khang	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Nguyễn Thị Kim	Khánh	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Dương Đỗ Anh	Kiệt	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Vũ Lê Yên	Linh	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A8	Lê Doanh	Lợi	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Châu Phạm Ngọc	Long	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Nguyễn Chí	Long	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Phạm Hoàng Nhật	Minh	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Phan Đào Quang	Minh	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Nguyễn Hà	My	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Nguyễn Phúc Bảo	Nam	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Nguyễn Hiền Xuân	Nghi	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Đỗ Hoàng Quỳnh	Nhi	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Đặng Tân	Phát	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Trần Tân	Phát	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Huỳnh Hoàng	Phú	X	TN3 (Anh, Lý)	
HSM	11A8	Nguyễn Hữu	Phú		TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Đỗ Đỗ	Quyên	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A8	Trần Ngọc Như	Quỳnh	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Trần Ngọc Như	Quỳnh	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A8	Lê Trần Thanh	Sang	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A8	Huỳnh Khánh	Tâm	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Vũ Thành	Tâm	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Huỳnh Bảo	Thuận	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Nguyễn Ngọc Bảo	Thy	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A8	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Phan Thị Bảo	Trân	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A8	Ngô Minh Thủy	Trúc	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A8	Bùi Quang Anh	Tuân	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Nguyễn Đức Anh	Tuân	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Võ Mạnh	Tuân	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A15	11A8	Nguyễn Thanh	Tùng	X	TN3 (Anh, Lý)	
HSM	11A8	Nguyễn Đình	Văn		TN3 (Anh, Lý)	
10A5	11A8	Trần Vương Ngọc	Văn	X	TN3 (Anh, Lý)	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11
Năm học: 2024 - 2025

Lớp cũ NH: 23-24	Lớp mới NH: 24-25	Họ và tên		Bán trú	Ban	Ghi chú
10A6	11A9	Lê Đào Trúc	Anh	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Lê Tuấn	Anh	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Nguyễn Công Đức	Anh	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Nguyễn Trần Mỹ	Anh	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Vũ Thị Phương	Anh	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Nguyễn Kim	Bảo	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Nguyễn Quốc	Bảo	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Trần Quốc	Bảo	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Đỗ Thị Minh	Châu	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Nguyễn Minh	Châu	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Nguyễn Ngọc Phương	Chi	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Nguyễn Thị Mai	Chi	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Lê Văn Tiến	Đạt	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Phan Lâm Khánh	Duy	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Nguyễn Thị Thanh	Hà	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Vũ Thanh	Hải	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Bùi Nguyễn Tú	Hân	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Phạm Cao Thanh	Hiên	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Ngô Minh	Hiều	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Nguyễn Quốc	Huân	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Nguyễn Minh	Hùng	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Nguyễn	Hung	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Vương Gia	Huy	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Văn Đức	Khải	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Phạm Nguyễn An	Khang	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Phạm Nguyễn Kim	Khánh	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Hoài Anh	Khoa	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Phạm Hoàng	Kim	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Mai Tuyết	Lâm	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Trần Nguyễn Khánh	Linh	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Trần Quốc	Lợi	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Trần Vũ	Mạnh	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Lâm Hải	My	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Nguyễn Thị Thảo	My	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Vũ Nguyễn Phương	Nam	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Hồ Thị Bảo	Ngọc	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Lê Ngọc Vân	Nhi	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Nguyễn Lê Quỳnh	Như	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Huỳnh Tấn	Phát	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Nguyễn Trần Anh	Phát	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Trần Mai	Phương	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Nguyễn Phú	Quang	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Nguyễn Thái Như	Quỳnh	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Trần Duy Quang	Tân	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Vũ Trần Minh	Thư	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Trần Anh	Tuân	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Nguyễn Phạm Dĩ	Tường	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Nguyễn Minh	Tuyền	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Đỗ Thiên	Ứng	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Nguyễn Trần Bảo	Vý	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Thái Nguyễn Tường	Vý	X	TN3 (Anh, Lý)	
10A6	11A9	Đỗ Ngọc Kim	Yên	X	TN3 (Anh, Lý)	